

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 9 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Minh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Dũng;

Ông Nguyễn Văn Độ.

- Thư ký phiên tòa: bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
tham gia phiên tòa:** bà Võ Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh
Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý
131/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi
con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14
tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 96/2023/QĐST-HNGĐ ngày
07 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ái N, sinh năm 1992; nơi cư trú: ấp H, xã A,
huyện D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Huỳnh Hải Đ, sinh năm 1992; nơi cư trú: ấp B, xã L,
huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên
đơn bà Nguyễn Thị Ái N trình bày:*

Bà N và ông Đ là vợ chồng. Bà N và ông Đ đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy
ban nhân dân xã L vào ngày 06 tháng 8 năm 2018 theo Giấy chứng nhận kết hôn
số 55. Bà N và ông Đ sống chung sống tại ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương
từ sau khi kết hôn đến giữa tháng 5 năm 2023 thì bà N và ông Đ không còn sống
chung. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, sự vô tâm của ông Đ, ông Đ có mối quan hệ với người thứ ba, ông Đ không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ con. Bà N và ông Đ cố gắng hàn gắn nhưng vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay, bà N và ông Đ không còn tình cảm, vợ chồng sống không hạnh phúc. Do mâu thuẫn giữa bà N và ông Đ ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Huỳnh Hải Đ.

Về con chung: Bà N và ông Đ có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Nhã T, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2020. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu T. Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 5 năm 2023, bà N yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi cháu T với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng/tháng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ngày 26 tháng 6 năm 2023, bà N thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, bà N không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi cháu T. Hiện nay, ông Đ đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T. Từ tháng 6 năm 2023 đến nay, bà N không đến thăm cháu T.

Về tài sản chung và nợ chung: bà N và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

Tại Bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Huỳnh Hải Đ trình bày:

Ông Đ thống nhất với lời trình bày của bà N về thời gian sống chung, đăng ký kết hôn. Ông Đ xác nhận vợ chồng sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không chia sẻ cho nhau dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Nay bà N yêu cầu ly hôn với ông Đ thì ông Đ có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: ông Đ đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông Đ và bà N có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Nhã T, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2020. Khi ly hôn, ông Đ không đồng ý để bà N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu T vì bà N không quan tâm, chăm sóc cháu T. Từ Tháng 6 năm 2023 đến nay, bà N không về thăm nom cháu T. Do đó, ông Đ yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu T; ông Đ không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi cháu T.

Về tài sản chung: ông Đ và bà N không tranh chấp về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông Đ ngày 12 tháng 6 năm 2023 tại nơi cư trú được biết: bà N và ông Đ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 55 ngày 06 tháng 8 năm 2018. Quá trình chung sống tại địa phương giữa bà N và ông Đ có phát sinh mâu thuẫn, hiện nay, bà N và ông Đ không còn sống chung. Nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không rõ. Từ khi

bà N và ông Đ không còn sống chung, ông Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu T (Bút lục 28, 29).

Tại phiên tòa: nguyên đơn bà N và bị đơn ông Đ giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đối với yêu cầu ly hôn giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ái N đối với bị đơn ông Nguyễn Huỳnh Hải Đ. Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Huỳnh Hải Đ đồng ý ly hôn với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ái N nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ái N với bị đơn ông Nguyễn Huỳnh Hải Đ; đối với yêu cầu tranh chấp về nuôi con là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ái N đối với bị đơn ông Nguyễn Huỳnh Hải Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Đ nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; ông Đ có nơi cư trú tại ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: bà N và ông Đ tự nguyện kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương ngày 06 tháng 8 năm 2018 theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 55 ngày 06 tháng 8 năm 2018, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Đ là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà N yêu cầu ly hôn với ông Đ với lý do: tính tình vợ chồng không hợp nhau, ông Đ có mối quan hệ với người thứ 3, ông Đ không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ con. Hiện nay, bà N và ông Đ không còn sống chung. Về phía ông Đ thừa nhận quá trình sống chung, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm, ông Đ đồng ý ly hôn với bà N.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà N và ông Đ đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà N và ông Đ vẫn giữ ý kiến thống nhất ly hôn. Do bà N và ông Đ đã thật sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận.

Về con chung: bà N và ông Đ có một con chung tên Nguyễn Ngọc Nhã T, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2020. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu T, bà N không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Ông Đ không đồng ý trước yêu cầu khởi kiện về nuôi con chung của bà N. Ông Đ yêu cầu tiếp tục được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu T. Xét thấy, cháu T hiện đang được ông Đ cho học mẫu giáo và sinh sống ổn định với ông Đ từ khi bà N và ông Đ không còn sống chung; quá trình ly thân, bà N thừa nhận như lời trình bày của ông Đ là bà N không qua lại thăm nom cháu T, điều đó thể hiện tình cảm bà N dành cho cháu T không nhiều. Để đảm bảo tâm lý, sự phát triển và quyền lợi về mọi mặt của cháu T, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu nuôi con chung là cháu T của bà N là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử, tiếp tục giao con chung là cháu T cho ông Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T thành niên là chính đáng và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: tại phiên tòa ông Đ không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình: nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58 và 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ái N với

bị đơn ông Nguyễn Huỳnh Hải Đ.

2. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ái N với bị đơn ông Nguyễn Huỳnh Hải Đ về việc tranh chấp về nuôi con.

Về con chung: tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Ngọc Nhã T, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2020 cho ông Nguyễn Huỳnh Hải Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Đ không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Ái N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị Ái N và ông Nguyễn Huỳnh Hải Đ không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình: bà Nguyễn Thị Ái N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0010269 ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- UBND xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Thảo